CÔNG TY CỔ PHẦN XD HẠ TẦNG CII
185 HOA LAN, PHƯỜNG 2, PHÚ NHUẬN, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2017

TP.HỒ CHÍ MINH-2017

.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1,511,228,627,149**	**1,093,459,794,646**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**1**	**95,472,356,908**	**27,225,375,665**
1. Tiền	111		85,472,356,908	25,980,237,725
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	1,245,137,940
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**161,001**	**161,001**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161,001	161,001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**931,637,418,301**	**724,358,120,000**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	140,754,823,130	215,165,928,270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	231,145,139,506	208,363,247,690
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	406,412,469,749	175,070,876,025
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.a	156,457,456,526	128,059,189,637
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(3,132,470,610)	(2,301,121,622)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**478,167,778,674**	**336,946,955,920**
1. Hàng tồn kho	141	5	478,167,778,674	336,946,955,920
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5,950,912,264**	**4,929,182,060**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.a	160,946,581	142,083,741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,789,965,683	4,787,098,319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**292,385,771,316**	**124,305,771,848**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**4,194,520,841**	**17,865,864,841**
5. Phải thu dài hạn khác	216	4.b	4,194,520,841	17,865,864,841
II. Tài sản cố định	**220**		**36,078,671,120**	**26,757,478,806**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	8,342,202,027	6,846,839,461
- Nguyên giá	*222*		*25,035,138,252*	*21,066,138,252*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(16,692,936,225)*	*(14,219,298,791)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	27,701,501,067	19,855,671,319
- Nguyên giá	*225*		*33,309,876,347*	*21,672,603,620*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		*(5,608,375,280)*	*(1,816,932,301)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	34,968,026	54,968,026
- Nguyên giá	*228*		*160,000,000*	*160,000,000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(125,031,974)*	*(105,031,974)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**10**	4,997,156,733	5,284,084,812
- Nguyên giá	231		5,836,987,368	6,879,035,896
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(839,830,635)	(1,594,951,084)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**11**	**232,610,000,000**	**57,410,000,000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		112,610,000,000	57,410,000,000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		120,000,000,000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**14,505,422,622**	**16,988,343,389**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.b	14,505,422,622	16,988,343,389
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1,803,614,398,465**	**1,217,765,566,494**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1,337,122,980,817**	**752,673,986,514**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1,326,765,812,327**	**741,861,661,775**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	86,827,150,214	59,171,424,551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	311,191,455,883	126,531,678,934
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	7,691,566,160	3,224,482,537
4. Phải trả người lao động	314		2,032,950,857	1,906,486,113
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2,672,481,517	1,483,386,683
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	7,800,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	281,078,979,345	46,740,221,190
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	635,271,228,351	495,003,981,767
II. Nợ dài hạn	**330**		**10,357,168,490**	**10,812,324,739**
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	10,357,168,490	10,812,324,739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**466,491,417,647**	**465,091,579,980**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**466,491,417,647**	**465,091,579,980**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415,000,000,000	415,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*415,000,000,000*	*415,000,000,000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400,000,000	400,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,555,530,896	6,491,138,089
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44,535,886,751	43,200,441,891
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	*538,776,665*
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*44,535,886,751*	*42,661,665,226*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1,803,614,398,465**	**1,217,765,566,494**

Nguyễn Thị Khánh Phương	**Bùi Xuân Phước**	**Phạm Vũ Thức**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 01 năm 2018		

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**1**	**131,341,163,337**	**224,854,172,965**	**542,725,486,830**	**789,755,729,949**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1			-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	1	**131,341,163,337**	**224,854,172,965**	**542,725,486,830**	**789,755,729,949**
4. Giá vốn hàng bán	11	2	112,955,186,547	199,774,680,108	448,259,326,725	701,799,343,365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**18,385,976,790**	**25,079,492,857**	**94,466,160,105**	**87,956,386,584**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	12,413,405,952	350,526,883	45,078,304,825	37,347,055,940
7. Chi phí tài chính	22	4	21,034,877,034	10,014,369,195	57,026,877,475	36,687,534,511
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*21,034,877,034*	*8,885,089,832*	57,026,877,475	*35,558,255,148*
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	8,576,626,383	9,936,318,399	25,509,136,764	21,870,973,772
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1,187,879,326**	**5,479,332,146**	**57,008,450,692**	**66,744,934,241**
11. Thu nhập khác	31	6	26,565,690	1,230,482,356	163,119,657	1,262,302,686
12. Chi phí khác	32	7	49,497,763	263,695,926	782,636,241	1,379,675,470
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(22,932,073)**	**966,786,430**	**(619,516,584)**	**(117,372,784)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1,164,947,253**	**6,446,118,576**	**56,388,934,108**	**66,627,561,457**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	8	192,370,226	2,500,472,273	11,853,047,357	13,170,545,224
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**972,577,027**	**3,945,646,303**	**44,535,886,751**	**53,457,016,233**

Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 01 năm 2018

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**56,388,934,108**	**66,627,561,457**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6,289,452,914	5,421,629,152
Các khoản dự phòng	03	831,348,988	889,528,479
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(44,795,749,246)	(40,672,981,445)
Chi phí lãi vay	06	57,026,877,475	35,558,255,148
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***75,740,864,238***	***67,823,992,791***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	8,032,581,435	(43,224,305,021)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(141,220,822,754)	99,194,113,930
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	185,696,823,897	(128,195,672,881)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2,464,057,927	(12,147,080,900)
Tiền lãi vay đã trả	14	(50,830,674,818)	(39,902,382,679)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8,326,449,633)	(31,771,478,665)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1,636,049,084)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**69,920,331,208**	**(88,222,813,425)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4,143,000,000)	(1,576,454,545)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2,531,914,129
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(367,000,000,000)	(260,369,004,831)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15,583,188,649	71,000,000,000
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,000,000,000)	(16,000,000,000)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17,769,993,149
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19,037,091,361	36,708,691,663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(337,522,719,990)**	**(149,934,860,435)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	15,000,000,000
3.Tiền thu từ đi vay	33	1,713,746,688,108	1,878,273,662,633
4.Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,367,381,780,330)	(1,707,653,486,449)
5.Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(10,515,537,752)	(6,373,285,660)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(92,874,145,539)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**335,849,370,026**	**86,372,744,985**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**68,246,981,244**	**(151,784,928,875)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**27,225,375,665**	**179,010,304,540**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**95,472,356,908**	**27,225,375,665**

Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 01 năm 2018

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng

Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích;
- Tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị thi công (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung ứng các loại vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- Tư vấn môi giới đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Nuôi trồng thủy sản biển; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ;
- Khai thác, xử lý nước;
- Thu gom, xử lý, tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Bán buôn đồ điện gia dụng; đèn và bộ đèn điện;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
2. Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4.Công ty CP Cơ khí-Điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99.81%	99.81%	Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất, bán buôn, sửa chữa thiết bị điện

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các Công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh , phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này đươc chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế cảu bên nhận đầu tư phát sinh theo ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là các khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 cuả Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ

sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 cuả Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính , bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toánh hiện hành

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Gía vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập

chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	1,140,173	922,285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85,471,216,735	25,979,315,440
Các khoản tương đương tiền	10,000,000,000	1,245,137,940
Cộng	**95,472,356,908**	**27,225,375,665**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	17,199,603,370	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	49,018,200,071
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	-	73,620,073,257
Ban Quản Lý Dự án Đường Hồ Chí Minh	14,847,188,802	17,579,940,802
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	12,986,962,232	9,080,796,341
Ban Quản Lý Dự án Giao Thông Nông Thôn Vĩnh Long	3,064,105,754	6,359,003,754
Công ty CP ĐTXD & TM 592	13,657,789,253	7,002,023,268
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	37,832,263,735	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	11,943,380,934	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	1,662,271,455	-
Công ty CP Xây Dựng Việt Thịnh Phát	7,234,346,799	-
Phải thu các khách hàng khác	20,326,910,796	52,505,890,777
Cộng	**140,754,823,130**	**215,165,928,270**
Trong đó, phải thu các bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	-	73,620,073,257
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	49,018,200,071
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	-	1,958,994,963
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	17,199,603,370	666,037,105
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	1,280,288,994	1,280,288,994
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	37,832,263,735	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1,936,480,000	840,000,000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	11,332,527	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	1,662,271,455	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn	475,696,190	475,696,190
Cộng	**60,397,936,271**	**127,859,290,580**

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	31,544,135,565	26,927,270,540
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	97,680,609,040	51,308,947,077
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	-	74,898,875,000
Công ty Cổ Phần Teracons	16,629,150,063	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	28,912,262,655	20,928,270,297
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	44,507,603,081	24,078,730,487
Các đối tượng khác	11,871,379,102	10,221,154,289
Cộng	**231,145,139,506**	**208,363,247,690**

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	28,912,262,655	20,928,270,297
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	97,680,609,040	51,308,947,077
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	-	74,898,875,000
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	35,550,000	35,550,000
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	-	2,553,351,450
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	-	16,500,000
Cộng	**126,628,421,695**	**149,741,493,824**

4. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	77,517,521,986	33,148,333,927
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711,872,739	1,091,362,698
Ký cược, ký quỹ	29,988,223,999	1,450,560,506
Trả trước tiền mua cổ phần *(i)*	-	78,000,000,000
Phải thu người lao động	1,666,229,422	762,604,798
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuê tài chính	1,806,816,184	1,729,365,226
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay,lãi trái phiếu	23,427,184,128	166,411,559
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	20,455,652,939	2,599,994,417
Phải thu do chi hộ	60,009,196	7,733,630,001
Các khoản phải thu khác	823,945,933	1,376,926,505
	156,457,456,526	**128,059,189,637**
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	4,194,520,841	17,865,864,841
	4,194,520,841	**17,865,864,841**
Cộng	**160,651,977,367**	**145,925,054,478**
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	78,000,000,000
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C (cổ tức)	526,066,695	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C (chi hộ và cổ tức)	1,338,418,365	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia (cổ tức)	15,000,000,000	-
Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TPHCM (lãi hợp tác đầu tư)	15,363,229,405	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (chi hộ và cổ tức)	3,631,211,135	2,576,474,417
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng XLHN (lãi trái phiếu)	7,566,666,667	-
	43,425,592,267	**80,576,474,417**

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nguyên liệu, vật liệu	24,090,064,492	60,278,358,363
Chi phí dở dang các công trình xây dựng	454,077,714,182	276,668,597,557
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**478,167,778,674**	**336,946,955,920**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	**478,167,778,674**	**336,946,955,920**

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn	**160,946,580**	**142,083,741**
Chi phí thuê tài sản trả trước	41,220,900	41,220,900
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	119,725,680	100,862,841
		-
b. Dài hạn	**14,505,422,622**	**16,988,343,389**
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	13,001,663,077	4,279,123,880
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	1,503,759,545	3,007,519,091
Chi phí thuê thiết bị chờ phân bổ	-	9,701,700,418
Cộng	**14,666,369,202**	**17,130,427,130**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	10,721,230,800	9,608,607,452	736,300,000	21,066,138,252
Mua trong năm	100,000,000	3,873,000,000	49,000,000	4,022,000,000
Thanh lý trong năm			(53,000,000)	(53,000,000)
Tại ngày 31/12/2017	**10,821,230,800**	**13,481,607,452**	**732,300,000**	**25,035,138,252**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/207	8,303,016,935	5,456,072,871	460,208,985	14,219,298,791
Khấu hao trong năm	1,216,945,371	1,196,735,212	64,329,352	2,478,009,935
Thanh lý trong năm	-	-	(4,372,500)	(4,372,500)
Tại ngày 31/12/2017	**9,519,962,306**	**6,652,808,083**	**520,165,837**	**16,692,936,225**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	**2,418,213,865**	**4,152,534,581**	**276,091,015**	**6,846,839,461**
Tại ngày 31/12/2017	**1,301,268,494**	**6,828,799,369**	**212,134,163**	**8,342,202,027**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	21,672,603,620
Thuê trong năm	11,637,272,727
Tại ngày 31/12/2017	**33,309,876,347**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	1,816,932,301
Khấu hao trong năm	3,791,442,979
Tại ngày 31/12/2017	**5,608,375,280**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	**19,855,671,319**
Tại ngày 31/12/2017	**27,701,501,067**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	**160,000,000**
Tại ngày 31/12/2017	**160,000,000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	105,031,974
Khấu hao trong năm	20,000,000
Tại ngày 31/12/2017	**125,031,974**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	**54,968,026**
Tại ngày 31/12/2017	**34,968,026**

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	**5,836,987,368**	**1,042,048,528**	**6,879,035,896**
Ghi giảm trong kỳ		(1,042,048,528)	**(1,042,048,528)**
Tại ngày 31/12/2017	**5,836,987,368**	**-**	**5,836,987,368**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	**839,830,635**	**755,120,449**	**1,594,951,084**
Ghi giảm trong kỳ		(755,120,449)	**(755,120,449)**
Tại ngày 31/12/2017	**839,830,635**	**-**	**839,830,635**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	**4,997,156,733**	**286,928,079**	**5,284,084,812**
Tại ngày 31/12/2017	**4,997,156,733**	**-**	**4,997,156,733**

Gía trị căn nhà trên đất và thửa đất số 9 ở địa chỉ số 29/3 đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm (đến hết ngày 19/01/2056) theo Quyết định 1218/ QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1. Đầu tư vào công ty con	**112,610,000,000**			**57,410,000,000**		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	40,000,000,000	-		40,000,000,000	-	
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	7,410,000,000			7,410,000,000		
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	10,000,000,000			10,000,000,000		
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia (i)	55,200,000,000			-		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**120,000,000,000**			-		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng XLHN (ii)	120,000,000,000			-		
Cộng	**232,610,000,000**	-	-	**57,410,000,000**	-	-

(i) Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu công ty con là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia vào ngày 01 tháng 01 năm 2017, vốn góp của Công ty CII E&C tại Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia là 78,000,000,000 VNĐ, chiếm tỷ lệ 99.81%.

(ii) Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty CII EC đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm.

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu về cho vay là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh-vốn gốc	406,412,469,749	175,070,876,025
	406,412,469,749	**175,070,876,025**

13. NỢ XẤU

	31/12/2017			01/01/2017			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ
Phải thu giá trị thi công công trình	1,234,021,590	-	>3 năm	1,234,021,590	-	>3 năm	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 8
Phải thu giá trị thi công công trình	418,458,433	80,536,679	2-3 năm	257,385,076	77,215,523	1-2 năm	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Hóc Môn
Phải thu giá trị thi công công trình	1,267,043,542	-	>3 năm	1,267,043,542	380,113,063	1-2 năm	Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 3
Phải thu giá trị thi công công trình	-	-		5,195,999	5,195,999	1-2 năm	Ban Quản lý các Dự án và Xây dựng Chuyên ngành Giao thông Kiên Giang
Phải trả nhà cung cấp	419,262,463	125,778,739	2-3 năm	419,262,463	419,262,463	1-2 năm	Công ty TNHH Thông Dung
Cộng	**3,338,786,028**	**206,315,417**		**3,182,908,670**	**881,787,048**		
Giá trị đã lập dự phòng		**3,132,470,610**			**2,301,121,622**		

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần ROADCO	2,356,566,490	2,356,566,490	3,390,807,713	3,390,807,713
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vật tư Quốc Linh	-	-	2,704,877,336	2,704,877,336
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	55,011,246,399	55,011,246,399	-	-
Công ty Cổ phần BeTon 6	-	-	2,301,444,600	2,301,444,600
Công ty TNHH XD Fico Corea	6,506,067,037	6,506,067,037	6,092,689,472	6,092,689,472
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại An Phú Thành	-	-	9,227,568,100	9,227,568,100
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	1,734,262,119	1,734,262,119	6,620,111,558	6,620,111,558
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	5,000,000,000	5,000,000,000	12,503,702,630	12,503,702,630
Công ty Cổ phần Cơ Khí -Điện Lữ Gia	3,053,136,287	3,053,136,287	-	-
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	-	-	12,843,000	12,843,000
Công ty TNHH Công Nghiệp Và Xây Dựng Nam Việt	2,126,060,229	2,126,060,229	-	-
Các nhà cung cấp khác	11,039,811,653	11,039,811,653	16,317,380,142	16,317,380,142
Cộng	**86,827,150,214**	**86,827,150,214**	**59,171,424,551**	**59,171,424,551**
Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	273,845,000	273,845,000	-	-
Công ty Cổ phần Cơ Khí -Điện Lữ Gia	3,053,136,287	3,053,136,287	-	-

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	284,848,791,514	117,284,531,428
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	*113,777,119,094*
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	*21,985,982,226*	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội	*241,075,263,282*	*3,507,412,334*
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	*21,787,546,006*	-
Các đối tượng khác	26,342,664,369	9,247,147,506
Công ty Cổ Phần Thanh Bình Phú Mỹ	*4,597,699,863*	-
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Hoa Lư	*15,901,848,500*	-
Khác	*5,843,116,006*	*9,247,147,506*
Cộng	**311,191,455,883**	**126,531,678,934**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,581,480,532	11,853,047,355	8,326,449,633	6,108,078,255
Thuế thu nhập cá nhân	643,002,005	1,689,818,604	749,332,704	1,583,487,905
Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
Các khoản phải nộp khác	-	527,959,580	527,959,580	-
Cộng	**3,224,482,537**	**14,073,825,539**	**9,606,741,917**	**7,691,566,160**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	2,672,481,517	1,483,386,683

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bảo hiểm xã hội (lãi)	2,934,670	1,500,459,174
Bảo hiểm y tế	-	85,581,500
Bảo hiểm thất nghiệp	-	37,590,148
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	40,637,580,100	11,962,113
Phải trả về mua cổ phần	410,000,000	1,410,000,000
Phải trả lãi vay	5,076,552,267	69,444,444
Phải trả về vốn gốc hỗ trợ kinh doanh	208,838,279,691	-
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	5,910,694,366	19,150,275,544
Phải trả các Công ty thi công Quốc lộ 1 tỉnh Ninh Thuận	19,499,026,442	23,842,307,577
Phải trả các khoản chi hộ	91,943,497	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	611,968,312	632,600,690
Cộng	**281,078,979,345**	**46,740,221,190**
Trong đó, phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C (chi hộ)	91,943,497	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh- vốn hợp tác kinh doanh	208,838,279,691	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh- lãi hợp tác kinh doanh	5,007,107,823	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh- cổ tức lợi nhuận phải trả	21,165,112,000	-
Cộng	**235,010,499,514**	-

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh *(i)*	198,930,441,987	198,930,441,987	249,748,715,414	188,555,682,850	137,737,409,423	137,737,409,423
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh *(ii)*	118,744,716,820	118,744,716,820	118,744,716,820	60,000,000,000	60,000,000,000	60,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long *(iii)*	308,201,197,464	308,201,197,464	557,753,255,874	540,164,377,171	290,612,318,761	290,612,318,761
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	**9,394,872,080**	**9,394,872,080**	**10,765,179,915**	**8,024,561,418**	**6,654,253,583**	**6,654,253,583**
Cộng	**635,271,228,351**	**635,271,228,351**	**937,011,868,023**	**796,744,621,439**	**495,003,981,767**	**495,003,981,767**
b. Dài hạn						
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	19,752,040,570	19,752,040,570	12,801,000,000	10,515,537,752	17,466,578,322	17,466,578,322
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(9,394,872,080)	(9,394,872,080)	(10,765,179,915)	(8,024,561,418)	(6,654,253,583)	(6,654,253,583)
Cộng	**10,357,168,490**	**10,357,168,490**	**2,035,820,085**	**2,490,976,334**	**10,812,324,739**	**10,812,324,739**

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 28 tháng 04 năm 2016 giữa Công ty và Ngân hang TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 150.000.000.000 VNĐ, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay là 7.5%/ năm và được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 6 tháng 1 năm 2015 và phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 08 năm 2016 giữa Công ty và Ngân hang TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay 120.000.000.000 VNĐ, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng,số d ư

nợ vay sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 05 năm 2017. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ tuy nhiên không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hang TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh quy định theo từng thời kỳ.Lãi suất đang áp dụng cho nợ vay là 7.5%/năm.Mục đích của khoản vay là bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của CII E&C với bên thứ 3. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hang có kỳ hạn tương đương trị giá 15.000.000.000 VNĐ để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii)Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 001/2017/745412/HĐTD ngày 10/03/2017 với hạn mức cho vay ngắn hạn là 500.000.000.000 VNĐ, hạn mức dư nợ vay và bảo lãnh tối đa là 300.000.000.000 VNĐ giữa Công ty và Ngân hang TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh Long Thời hạn và lãi suất cho vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh , hệ thống đúc hẫng, xe ô tô Honda (CRV) mang BS 51A-835.2, xe ô tô Ford (RANGER) mang BS 51C-394.48 và xe ô tô Huyndai (SANTAFE) BS 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	**400,000,000,000**	**400,000,000**	**1,846,985,965**	**1,261,895,111**	**403,508,881,076**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53,457,016,233	53,457,016,233
Tăng vốn trong năm	15,000,000,000	-	-	-	15,000,000,000
Chia cổ tức	-	-	-	(723,118,446)	(723,118,446)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5,800,532,217)	(5,800,532,217)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(4,644,152,124)	(4,644,152,124)
Thù lao cho HĐQT	-	-	4,644,152,124	(350,666,666)	4,293,485,458
Tại ngày 01/01/2017	**415,000,000,000**	**400,000,000**	**6,491,138,089**	**43,200,441,891**	**465,091,579,980**
Tăng vốn trong năm					-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	44,535,886,751	44,535,886,751
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(41,500,000,000)	(41,500,000,000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1,636,049,084)	(1,636,049,084)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	64,392,807	(64,392,807)	-
Tại ngày 31/12/2017	**415,000,000,000**	**400,000,000**	**6,555,530,896**	**44,535,886,751**	**466,491,417,647**

Tên cổ đông	**31/12/2017**		**01/01/2017**	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	51.00%	211,651,120,000	49.00%	203,350,000,000
Các cổ đông khác	49.00%	203,348,880,000	51.00%	211,650,000,000
Cộng	**100%**	**415,000,000,000**	**100%**	**415,000,000,000**

	31/12/2017 Cổ phần	01/01/2017 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	41,500,000	41,500,000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	41,500,000	41,500,000
+ Cổ phần phổ thông	41,500,000	41,500,000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	41,500,000	41,500,000
+ Cổ phần phổ thông	41,500,000	41,500,000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	465,223,877,264	725,491,757,059
Doanh thu bán hàng	60,087,697,461	47,912,656,864
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	17,413,912,105	16,351,316,026
Cộng	**542,725,486,830**	**789,755,729,949**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	
Doanh thu thuần	**542,725,486,830**	**789,755,729,949**

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Gía vốn hoạt động xây dựng	385,750,588,112	653,361,195,422
Giá vốn hàng đã bán	54,150,989,551	35,199,360,995
Giá vốn của dịch vụ	8,357,749,062	13,238,786,948
Cộng	**448,259,326,725**	**701,799,343,365**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35,078,616,262	26,569,721,374
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,499,688,563	3,670,474,417
Chi phí sử dụng dụng vốn được hưởng từ nhà thầu	7,500,000,000	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	4,619,417,000
Lợi nhuận từ việc hoán đổi cổ phần	-	2,487,443,149
Cộng	**45,078,304,825**	**37,347,055,940**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí lãi vay	55,201,593,575	35,558,255,148
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1,825,283,900	1,129,279,363
Cộng	**57,026,877,475**	**36,687,534,511**

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13,754,092,444	13,064,317,869
Chi phí đồ dùng văn phòng	200,215,437	142,926,234
Chi phí khấu hao	1,146,058,567	624,227,169
Chi phí công tác, tiếp khách	1,607,251,668	2,304,513,696
Chi phí dự phòng	831,348,988	886,930,480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,426,613,000	4,230,731,798
Chi phí bằng tiền khác	6,543,556,660	617,326,526
Cộng	**25,509,136,764**	**21,870,973,772**

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	1,230,482,356
Xử lý các khoản nợ phải trả	57,714,090	1,978
Thu nhập khác	105,405,567	31,818,352
Cộng	**163,119,657**	**1,262,302,686**

7. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Các khoản phạt thuế	552,824,081	1,593,165,531
Phạt vi phạm giao thông	34,000,000	12,000,000
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	53,119,578	53,815,710
Chi phí thanh lý TSCD	88,837,952	-
Hoàn nhập khoản phạt trong năm trước	-	(279,305,771)
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	36,814,253	-
Chi phí khác	17,040,377	-
Cộng	**782,636,241**	**1,379,675,470**

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**56,388,934,108**	**66,627,561,457**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	
Chi phí không được trừ	1,994,595,514	2,192,314,573
Cổ tức, lợi nhuận được chia, các khoản thu nhập khác	(2,499,688,563)	(8,569,197,188)
Thu nhập chịu thuế	**55,883,841,059**	**60,250,678,842**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	11,176,768,212	12,050,135,768
Thuế TNDN, GTGT, TNCN truy thu năm trước	676,279,144	1,120,409,456
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**11,853,047,357**	**13,170,545,224**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quãng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Công ty con
Công ty CP Cơ khí-Điện Lữ Gia	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:		
Ứng trước tiền mua đá Granite	*28,912,262,655*	*20,928,270,297*
Lợi nhuận được chia từ công ty con	*3,621,200,321*	*2,576,474,417*
Chi hộ	*10,010,814*	-
Phải thu cho thuê thiết bị	*1,936,480,000*	*840,000,000*
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội:		
Mua trái phiếu	*120,000,000,000*	-
Lãi phát sinh từ mua trái phiếu	*7,566,666,667*	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Phải thu thi công	*11,332,527*	*11,332,527*
Phải thu vốn hợp tác đầu tư thi công dự án-gốc	*406,412,469,749*	*174,995,658,398*
Phải thu vốn hợp tác đầu tư thi công dự án-lãi	*15,363,229,405*	*75,217,627*
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: *Phải thu khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận- giai đoạn 2 và trạm thu phí cà ná*	*17,199,603,370*	*666,037,105*
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận: *Phải thu khối lượng thi công xây dựng trạm thu phí Thành Hải*	*1,280,288,994*	*1,280,288,994*
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn: *Phải thu khối lượng thi công xây dựng cầu Sài Gòn*	*475,696,190*	*475,696,190*
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:		
Trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ gia	-	*78,000,000,000*
Ứng trước tiền mua giá long môn	*35,550,000*	*35,550,000*
Phải thu lãi hợp tác đầu tư	-	-
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn: *Phải thu thi công tuyến ống Củ Chi*	-	*73,620,073,257*
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:		
Tạm ứng tiền mua vật tư	*97,680,609,040*	*51,308,947,077*
Phải thu thanh lý TSCĐ	-	*1,958,994,963*
Phải thu cho thuê thiết bị	-	-
Phải thu khoản chi hộ	-	-
Phải thu lợi nhuận được chia	*526,066,695*	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C:		
Phải thu thanh lý TSCĐ	*1,136,707,201*	-
Phải thu bán vật tư	*28,278,952,274*	-
Phải thu cho thuê thiết bị	*8,416,604,260*	-
Tạm ứng chi phí thi công CT	-	*74,898,875,000*
Phải thu khoản chi hộ	*30,032,442*	-
Phải thu lợi nhuận được chia	*1,308,385,923*	-

Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia:		
Thi công hệ thống an toàn giao thông	-	*2,553,351,450*
Lợi nhuận được chia	*15,000,000,000*	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng: *Tạm ứng vốn thi công*	-	*16,500,000*
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: Phải thu thi công dự án Thủ Thiêm	-	*49,018,200,071*
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741	*1,662,271,455*	-
Các khoản phải trả		
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội: *Nhận ứng trước khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội*	*241,075,263,282*	*3,507,412,334*
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Ứng trước vốn thi công CT Thủ Thiêm	-	*113,788,451,621*
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hđồng 98/2012)-gốc	*206,514,022,720*	-
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hđồng 98/2012)-lãi	*4,999,360,300*	-
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hđồng 18/2017)-gốc	*2,324,256,971*	-
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hđồng 18/2017)-lãi	*7,747,523*	-
Phải trả cổ tức	*21,165,112,000*	-
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn:		
Phí dịch vụ khắc phục sự cố	-	*12,843,000*
Công ty CP Kỹ thuật Enviro: *Phải trả mua ống và phụ kiện*	*5,000,000,000*	*12,503,702,630*
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng: *phải trả phí vệ sinh mặt đường*	*273,845,000*	-
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia: *phải trả phí di dời trạm thu phí*	*3,053,136,287*	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C: *phải trả thi công công trình Thủ Thiêm*	*55,011,246,399*	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: *Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741*	-	*3,500,000,000*
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu : *Khối lượng thi công dự án QL60*	*21,787,546,006*	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: Tạm ứng thi công dự án Thủ Thiêm	*21,985,982,226*	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C: *Phải trả chi hộ*	*91,943,497*	-

Nghiệp vụ với các bên liên quan

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	*471,000,000,000*	*741,900,000,000*
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	*264,485,977,280*	*851,393,706,786*
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016	*247,000,000,000*	*260,369,004,831*
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016	*15,583,188,649*	*68,296,016,485*
Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 18/2017	*316,500,000,000*	-
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 18/2017	*314,175,743,029*	-
Chi phí sử dụng vốn phải trả theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	*8,513,383,020*	*9,531,942,201*
Trả chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	*3,514,022,720*	*14,849,548,421*
Chi phí sử dụng vốn phải trả theo hợp đồng 18/2017	*5,182,004,494*	-
Trả chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 18/2017	*5,174,256,971*	-
Chi phí sử dụng vốn phải thu theo hợp đồng 41/2016	*25,704,823,129*	*2,824,029,133*
Thu chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 41/2016	*10,416,811,351*	*2,703,983,515*
Trích cổ tức phải trả năm 2016	*21,165,112,000*	-
Chuyển tiền cổ tức	-	*92,453,719,590*
Nhận vốn thi công dự án Thủ Thiêm	*1,028,837,608*	*181,464,045,114*
Doanh thu thi công dự án Thủ Thiêm	-	*243,341,448,631*
Điều chỉnh cổ tức phải trả năm 2015	-	*717,817,241*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	-
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội	*345,102,548,927*	*115,742,122,308*
Doanh thu xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	*96,599,852,788*	*124,125,347,052*
Chuyển trả lại tiền thi công gói thầu 5A do tạm ứng dư	*1,274,859,912*	
Mua trái phiếu	*120,000,000,000*	-
Lãi phát sinh từ mua trái phiếu	*7,566,666,667*	-

Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:		
Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A	*10,918,582,259*	*208,666,331,896*
Doanh thu xây lắp công trình mở rộng Quốc lộ 1A	*9,152,737,313*	*153,829,416,261*
Chuyển tiền thực hiện công trình Trạm thu phí Cà Ná	-	*1,071,452,705*
Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cà Ná	*11,664,162,490*	*18,455,590,185*
Doanh thu xây lắp Trạm thu phí Cà Ná	*26,407,545,427*	-
Nhận nợ tạm ứng của Công ty BMT	-	*9,568,635,609*
Nhận nợ tạm ứng của Công ty Phú Vinh	-	*316,659,013*
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn:		
Doanh thu thi công dự án Củ Chi	*19,090,874,968*	*127,830,886,764*
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi giai đoạn 1	-	*13,805,539,970*
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi giai đoạn 2	*94,620,035,721*	*19,458,158,700*
Chuyển trả tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi theo quyết toán giai đoạn 1	-	*11,578,561,026*
Chi phí súc xả khử trùng tuyến ống	*466,028,036*	*1,515,762,105*
Chuyển trả tiền súc xả khử trùng tuyến ống	*500,054,128*	*1,584,660,383*
Chi phí khắc phục sự cố	-	11,675,455
Thanh toán tiền khắc phục sự cố	*12,843,000*	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Doanh thu thi công	*241,722,893,448*	-
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	*222,082,075,861*	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG:		
Doanh thu thi công	*25,129,122,424*	-
Thu tiền thi công dự án DT 741	*22,479,763,211*	*3,500,000,000*
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	
Doanh thu thi công dự án QL60	*30,514,784,532*	-
Thu tiền thi công dự án QL60	*55,353,808,993*	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:		
Ứng trước tiền mua đá Granite	*10,500,000,000*	*46,251,960,000*
Công ty NBB hoàn trả lại tiền ứng mua đá Granite theo hợp đồng 95/HĐKT	-	*14,151,960,000*
Nhập kho đá granite	*2,287,279,674*	*22,349,282,908*
Doanh thu cấp phát bảo hộ lao động	-	*31,818,182*
Lợi nhuận được chia từ đầu tư	*1,044,725,904*	*3,376,474,417*
Thu tiền lợi nhuận được chia từ đầu tư	-	*4,095,387,605*
Thi công bốc tầng phủ	-	*14,005,137,273*
Doanh thu cho thuê thiết bị	*2,714,981,818*	*6,905,454,546*
Thu tiền thi công bốc tầng phủ và cho thuê thiết bị	*1,890,000,000*	*22,161,651,000*
Chi hộ tiền bảo hiểm sức khỏe	*10,010,814*	
Mua tài sản cố định từ công ty con	-	*1,045,454,545*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:		
Phải thu lãi hợp tác đầu tư	-	*7,800,000,000*
Thu tiền chi phí sử dụng vốn	-	*7,800,000,000*
Chuyển sang đầu tư vào công ty con LGC	*78,000,000,000*	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:		
Tạm ứng tiền mua vật tư	*215,517,500,837*	212,825,827,916
Vay chuyển tiền mua vật tư	*351,857,512,546*	-
Công ty VLXD CII E& C hoàn trả lại tiền	*307,842,667,444*	205,077,827,916
Nhập kho vật tư	*194,161,574,116*	17,490,048,114
Thu tiền cho thuê thiết bị	*1,790,600,000*	1,000,000,000
Doanh thu cho thuê thiết bị	*2,536,909,089*	-
Phải thu tiền chi hộ điện nước	*218,004,070*	-
Thu tiền điện nước đã chi hộ	*111,961,710*	-
Phải trả tiền chi hộ điện nước	*197,985,857*	-
Công ty VLXD CII EC nhận nợ các công ty và BQL DA	*417,047,548*	62,800,000,000
Doanh thu bán vật tư	-	6,420,904,511
Thu tiền bán vật tư	*2,958,994,963*	-
Cổ tức phải thu năm 2017	*526,066,695*	-
Bán tài sản cho công ty con	-	4,163,636,365
Thu tiền bán TSCĐ	-	8,684,000,000
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C:		
Tạm ứng chi phí thi công CT	*91,413,983,703*	51,399,000,000
Công ty XDDD CII E&C hoàn trả lại vốn thi công	*118,000,000,000*	42,500,000,000
Mua TSCĐ	*49,000,000*	-
Mua CCDC	*65,600,000*	-
Vay chuyển tiền cho Cty XDDD	*168,907,869,200*	-
Cty XDDD chuyển trả lại tiền	*162,307,869,200*	-
Doanh thu bán vật tư	*25,708,138,431*	-
Doanh thu cho thuê thiết bị	*7,651,458,416*	-
Thanh lý tài sản	*1,033,370,183*	-
Chi phí thi công lô 3.1 Thủ Thiêm	*99,816,404,638*	-
Chi hộ phí bảo hiểm sức khỏe	*30,032,442*	-
Cổ tức phải thu năm 2017	*1,308,385,923*	-
Công ty VLXD CII EC nhận nợ BQLDA và công ty Tam Đạt	-	65,999,875,000
Công ty CP Kỹ thuật Enviro:		
Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện giai đoạn 2	*17,528,305,086*	22,941,636,342
Thu lại tiền mua ống và phụ kiện	-	3,766,997,830
Nhập kho ống và phụ kiện	*9,113,274,960*	29,041,217,247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia:		
Chi phí di dời trạm thu phí	*5,096,807,035*	16,641,464,545
Thu tiền cho thuê thiết bị	*51,300,000*	
Tạm ứng vốn thi công	-	18,939,576,380
Lợi nhuận được chia	*15,000,000,000*	-
Cho thuê thiết bị	*46,636,363*	-
Chi hộ phí bảo hiểm sức khỏe	*30,032,442*	-
Thu tiền phí bảo hiểm sức khỏe đã chi hộ	*30,032,442*	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng:		
Thanh toán tiền thi công	*46,500,000*	364,556,245
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	*315,313,636*	316,414,768

Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 01 năm 2018

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng

Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc